



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH – HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	07 - 08
4. Kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	10
6. Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11 - 33



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp. Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính (hợp nhất) của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi và 1 công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán của Tập đoàn.

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi, sau đây gọi tắt là “Công ty” (tên giao dịch là: Bích Chi Food Company, tên gọi tắt là BFC) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 968/QĐ-UB-HC ngày 18 tháng 10 năm 2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2000.

Trong quá trình hoạt động công ty đã được cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 16 ngày 30 tháng 05 năm 2018 về việc tăng vốn điều lệ. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty được tăng từ 130.797.230.000 đồng thành 171.343.870.000 đồng.

Vốn điều lệ : 171.343.870.000 đồng.

2. Trữ sở hoạt động

2.1 Trữ sở chính hoạt động

Địa chỉ : 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Điện thoại : +84 (277) 368 1910

Fax : +84 (277) 386 4674

Mã số thuế : 1400371184

2.2 Đơn vị trực thuộc

Chi nhánh: Kho-Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi.

Địa chỉ: 46 đường Số 7, phường Bình trị Đông B, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh.

2.3 Thông tin về công ty con

Công ty TNHH Thực phẩm Bích Chi 2.

STT	Tên công ty	Trữ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty TNHH Thực phẩm Bích Chi 2	Cụm Công nghiệp Cái Tàu Hạ - An Nhơn, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.	Sản xuất chế biến lương thực, thực phẩm	100%	100%	100%

3. Ngành nghề hoạt động

- Sản xuất chế biến lương thực thực phẩm;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại thực phẩm, đường, sữa, các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, thủy sản;
- Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, thủy sản;
- Kinh doanh phòng trọ;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Mua bán rượu bia, nước hoa quả, nước ngọt, nước tinh khiết;

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo sản xuất trong nước;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu trừ gỗ, tre, nứa và động vật sống;
- Mua bán mỹ phẩm, chất tẩy rửa các loại, dụng cụ nhà bếp, bếp gas;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng các bộ phận phụ trợ của mô tô xe máy;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất chế biến lương thực thực phẩm.

4. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Thanh Bình	Chủ tịch	24/4/2016	-
Ông Bùi Văn Sáu	Phó Chủ tịch	24/4/2016	-
Ông Trang Sĩ Đức	Thành viên	24/4/2016	-
Ông Nguyễn Ngọc Tiểu	Thành viên	24/4/2016	-
Ông Phạm Hoàng Thái	Thành viên	24/4/2016	-
Ông Mai Thế Khôi	Thành viên	16/4/2017	-

4.2 Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Hoàng	Trưởng ban	24/4/2016	-
Ông Trần Mạnh Hùng	Thành viên	24/4/2016	-
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Thành viên	24/4/2016	-

4.3 Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Thanh Bình	Tổng Giám đốc	16/04/2017	-
Ông Bùi Văn Sáu	Phó Tổng Giám đốc	06/11/2008	-
Ông Trang Sĩ Đức	Phó Tổng Giám đốc	06/11/2008	-
Ông Phạm Hoàng Thái	Phó Tổng Giám đốc	01/04/2016	-
Ông Trần Văn Thiều	Kế toán trưởng	01/03/2017	-

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Thanh Bình – Tổng Giám đốc.

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) từ trang 07 đến trang 33.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tập đoàn.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính (hợp nhất) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).


TM. Ban Tổng Giám đốc

PHẠM THANH BÌNH

Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 21 tháng 3 năm 2019

Số: 2095/19/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính (hợp nhất) kèm theo của Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi và Công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) được lập ngày 21 tháng 3 năm 2019 (từ trang 07 đến trang 33), bao gồm Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính (hợp nhất) dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính (hợp nhất). Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính (hợp nhất) do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính (hợp nhất).

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính (hợp nhất) đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính (hợp nhất) của Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi và Công ty con tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và tình hình lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2019.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán số 1512-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Hoàng Thái Tân - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán số 2817-2014-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		190.608.222.876	172.217.862.307
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	28.040.553.682	21.860.554.275
111	1. Tiền		14.540.553.682	18.160.554.275
112	2. Các khoản tương đương tiền		13.500.000.000	3.700.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		15.750.000.000	22.700.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	15.750.000.000	22.700.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		67.025.912.628	64.108.485.833
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	60.289.886.804	48.688.817.739
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	5.438.409.075	14.581.010.953
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	1.611.973.660	1.054.382.959
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.6	(314.356.911)	(215.725.818)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	75.325.816.698	61.100.608.572
141	1. Hàng tồn kho		75.325.816.698	61.100.608.572
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.465.939.868	2.448.213.627
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.11.1	435.472.797	14.699.417
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		3.920.273.609	2.323.320.748
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.14	110.193.462	110.193.462
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		89.768.931.737	93.409.982.031
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
216	1. Phải thu dài hạn khác		-	-
220	II. Tài sản cố định		76.395.748.740	82.010.437.353
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	76.124.248.735	81.697.437.352
222	- Nguyên giá		180.770.933.077	168.829.911.944
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(104.646.684.342)	(87.132.474.592)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	271.500.005	313.000.001
228	- Nguyên giá		354.500.000	354.500.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(82.999.995)	(41.499.999)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		11.640.168.755	10.153.989.609
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	11.640.168.755	10.153.989.609
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.733.014.242	1.245.555.069
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11.2	1.650.464.242	1.178.025.069
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		82.550.000	67.530.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		280.377.154.613	265.627.844.338

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		93.006.764.306	89.642.806.524
310	I. Nợ ngắn hạn		93.006.764.306	89.642.806.524
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	14.396.882.055	15.139.120.162
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	3.326.714.459	3.009.829.085
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	2.709.587.680	2.770.888.534
314	4. Phải trả người lao động	V.15	7.127.638.142	6.833.108.083
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.16	9.791.491.677	8.028.198.692
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.17	50.545.530.315	49.623.641.990
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.18	5.108.919.978	4.238.019.978
330	II. Nợ dài hạn		-	-
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		187.370.390.307	175.985.037.814
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.19	187.370.390.307	175.985.037.814
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		171.343.870.000	130.797.230.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		171.343.870.000	130.797.230.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		1.402.422.268	22.329.482.268
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.680.130.939	1.680.130.939
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		12.943.967.100	21.178.194.607
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		558.614.607	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		12.385.352.493	21.178.194.607
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		280.377.154.613	265.627.844.338

Người lập biểu

Kế toán trưởng


Nguyễn Lý Ngọc Hạnh

TRẦN VĂN THIỀU



Tổng Giám Đốc

PHẠM THANH BÌNH

Đồng Tháp, ngày 21 tháng 3 năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHÌ

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

DVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	499.471.454.888	466.100.821.429
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	9.880.587.660	12.005.619.123
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		489.590.867.228	454.095.202.306
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	383.301.384.735	347.883.341.537
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		106.289.482.493	106.211.860.769
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	3.107.365.538	2.589.110.808
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	3.059.958.358	1.787.378.527
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		1.568.767.493	1.324.757.035
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	VI.6	35.218.506.091	33.967.472.779
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	23.165.398.856	20.471.435.578
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		47.952.984.726	52.574.684.693
31	12. Thu nhập khác	VI.8	1.590.575.692	4.202.423.541
32	13. Chi phí khác	VI.9	935.819.992	4.843.357.234
40	14. Lợi nhuận khác		654.755.700	(640.933.693)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		48.607.740.426	51.933.751.000
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.14	9.804.807.433	10.635.971.893
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		38.802.932.993	41.297.779.107
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		38.802.932.993	-
62	20. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10	2.223	3.043
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.11	2.223	2.323

Người lập biểu


Nguyễn Lý Ngọc Hạnh

Kế toán trưởng

TRẦN VĂN THIỀU

Đồng Tháp, ngày 21 tháng 3 năm 2019.

Tổng Giám Đốc



PHẠM THANH BÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		48.607.740.426	51.933.751.000
	2. Điều chỉnh cho các khoản		18.940.567.013	19.256.471.645
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	VI.12	19.158.137.996	19.472.504.692
03	- Các khoản dự phòng		98.631.093	40.199.446
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(386.164.612)	193.047.675
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.498.804.957)	(1.774.037.203)
06	- Chi phí lãi vay	VI.5	1.568.767.493	1.324.757.035
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		67.548.307.439	71.190.222.645
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(3.843.399.109)	(7.467.842.012)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(14.225.208.126)	(3.134.789.423)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(48.037.492.994)	(25.136.614.430)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(893.212.553)	(383.559.113)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.568.767.493)	(1.324.757.035)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.14	(10.175.338.812)	(10.434.687.105)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			4.240.000
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(129.100.000)	(723.450.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(11.324.211.648)	22.588.763.527
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(15.136.440.077)	(12.000.640.195)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		131.818.182	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(21.087.583.333)	(26.900.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		28.037.583.333	29.700.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.473.798.323	1.774.037.203
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(6.580.823.572)	(7.426.602.992)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		40.546.640.000	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		(175.235.818.153)	157.809.352.224
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		176.157.706.478	(155.566.680.619)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.19	(17.778.746.674)	(13.079.723.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		23.689.781.651	(10.837.051.395)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		5.784.746.431	4.325.109.140
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		21.860.554.275	17.728.492.810
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		395.252.976	(193.047.675)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	28.040.553.682	21.860.554.275

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Lý Ngọc Hạnh

TRẦN VĂN THIỀU

Đồng Tháp, ngày 21 tháng 3 năm 2019.

Tổng Giám Đốc



PHẠM THANH BÌNH

Báo cáo này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi và 01 công ty con (sau đây gọi là “Tập đoàn”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất chế biến lương thực thực phẩm;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại thực phẩm, đường, sữa, các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, thủy sản;
- Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, thủy sản;
- Kinh doanh phòng trọ;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Mua bán rượu bia, nước hoa quả, nước ngọt, nước tinh khiết;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lá sản xuất trong nước;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu trừ gỗ, tre, nứa và động vật sống;
- Mua bán mỹ phẩm, chất tẩy rửa các loại, dụng cụ nhà bếp, bếp gas;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng các bộ phận phụ trợ của mô tô xe máy;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.

Hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất chế biến lương thực thực phẩm.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong năm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp.Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

6. Các công ty con được hợp nhất

Tổng số công ty con: 01 công ty.

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01 công ty.

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Thực phẩm Bích Chi 2	Cụm Công nghiệp Cái Tàu Hạ - An Nhơn, Thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất chế biến lương thực thực phẩm	100%	100%	100%

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm Tập đoàn có 738 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 776 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hệ thống Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

3. Hình thức kế toán áp dụng

Chứng từ ghi sổ (trên máy vi tính).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHÌ

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp.Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Các báo cáo tài chính (hợp nhất) bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty con. Các báo cáo tài chính của Công ty con đã được lập cho cùng kỳ tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính (hợp nhất), trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Tập đoàn và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) và bảng cân đối kế toán (hợp nhất).

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát Công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính (hợp nhất) sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của Công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch;
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Doanh nghiệp có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Doanh nghiệp nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHÌ

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp.Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc và thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất của công ty là quyền sử dụng lâu dài không khấu tính hao.

Phần mềm kế toán

Chi phí liên quan đến phần mềm kế toán không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm chủ yếu là: bánh phồng tôm, bột đậu, mì, hủ tiếu...

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong kỳ bao gồm các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại.

16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán bằng ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá cuối kỳ.

18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHÍ

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp.Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) (ĐƠN VỊ TÍNH: VND)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	233.874.954	271.686.424
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.306.678.728	17.888.867.851
Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	13.500.000.000	3.700.000.000
Cộng	28.040.553.682	21.860.554.275

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
<i>Ngắn hạn</i>	15.750.000.000	15.750.000.000	22.700.000.000	22.700.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng trở lên	15.750.000.000	15.750.000.000	22.700.000.000	22.700.000.000
Cộng	15.750.000.000	15.750.000.000	22.700.000.000	22.700.000.000

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	60.289.886.804	48.688.817.739
-Liên hiệp HTX TM Tp.Hồ Chí Minh	7.570.780.296	5.655.535.158
-Công ty QUINWORTH RESO	4.418.784.657	1.229.640.619
-Công ty TNHH Flying Trade	2.662.940.775	3.333.697.391
-Các khách hàng khác	45.637.381.076	38.469.944.571
Cộng	60.289.886.804	48.688.817.739

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	5.438.409.075	14.581.010.953
-Doanh nghiệp tư nhân Diệp Minh Nhứt	1.058.750.000	13.027.850.000
-Các nhà cung cấp khác	4.379.659.075	1.553.160.953
Cộng	5.438.409.075	14.581.010.953

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHÌ

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp.Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

5. Phải thu khác ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các đối tượng khác</i>	1.611.973.660	-	1.054.382.959	-
- Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	392.217.360	-	349.357.223	-
- Các khoản bảo hiểm phải thu	206.537.200	-	176.566.620	-
- Thuế TNCN phải thu lại của người lao động	221.219.100	-	205.554.142	-
- Tạm ứng	87.000.000	-	157.000.000	-
- Các khoản phải thu khác	705.000.000	-	165.904.974	-
Cộng	1.611.973.660	-	1.054.382.959	-

6. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Phải thu của khách hàng</i>	-	-	-	-
Khách hàng quá hạn từ 1 đến 2 năm	-	-	-	-
Khách hàng quá hạn từ 2 năm đến 3 năm	314.356.911	-	308.179.740	92.453.922
Cộng	314.356.911	-	308.179.740	92.453.922

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(215.725.818)	(175.526.372)
Trích lập dự phòng bổ sung	(124.522.765)	(44.175.096)
Hoàn nhập dự phòng	25.891.672	3.975.650
Số cuối năm	(314.356.911)	(215.725.818)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
-Nguyên liệu, vật liệu	43.310.162.864	-	39.930.250.593	-
-Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	24.507.971.434	-	13.536.031.564	-
-Thành phẩm	7.227.398.484	-	6.116.916.889	-
-Hàng gửi đi bán	280.283.916	-	1.517.409.526	-
Cộng	75.325.816.698	-	61.100.608.572	-

(*) Chủ yếu là các thành phẩm chờ đóng gói bao bì.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp.Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	62.528.778.703	101.845.274.018	4.254.609.223	201.250.000	168.829.911.944
Tăng trong năm	2.643.301.010	10.850.359.921	-	156.600.000	13.650.260.931
Tăng do mua mới	-	3.094.960.000	-	156.600.000	3.251.560.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.643.301.010	7.755.399.921	-	-	10.398.700.931
Giảm trong năm	(262.512.880)	(1.410.976.918)	-	(37.750.000)	(1.709.239.798)
Thanh lý, nhượng bán	(262.512.880)	(1.410.976.918)	-	(37.750.000)	(1.709.239.798)
Số cuối năm	64.909.566.833	111.284.657.021	4.254.609.223	322.100.000	180.770.933.077
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	11.103.102.545	22.294.055.585	629.165.952	61.000.000	34.087.324.082
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	30.670.758.945	53.761.499.613	2.557.282.703	142.933.331	87.132.474.592
Khấu hao trong năm	5.116.603.744	13.480.629.987	475.040.927	44.363.342	19.116.638.000
Thanh lý, nhượng bán	262.512.880	1.304.165.370	-	35.750.00	1.602.428.250
Số cuối năm	35.560.849.818	65.892.757.675	3.041.530.176	151.546.673	104.646.684.342
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	31.858.019.758	48.083.774.405	1.697.326.520	58.316.669	81.697.437.352
Số cuối năm^(*)	29.348.717.015	43.944.922.428	1.213.079.047	170.553.327	76.124.248.735

(*) Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại cuối năm theo sổ sách là 74.124.248.735 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (xem tại thuyết minh mục V.17).

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất ^(*)	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	230.000.000	124.500.000	354.500.000
Mua trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	230.000.000	124.500.000	354.500.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	41.499.999	41.499.999
Khấu hao trong năm	-	41.499.996	41.499.996
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	82.999.995	82.999.995
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	230.000.000	83.000.001	313.000.001
Số cuối năm	230.000.000	41.500.005	271.500.005

(*) Tài sản cố định vô hình là Giá trị Quyền sử dụng Quyền sử dụng đất đất tại đường số 7A, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, Tp Hồ Chí Minh do UBND Tp Hồ Chí Minh cấp ngày 05/04/2004. Quyền sử dụng này hiện đang được thế chấp tại Hạp đồng vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – PGD Sa Đéc (Xem thuyết minh tại V.17).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp.Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	8.531.793.592		927.295.018	7.604.498.574
- Thiết bị sản xuất nui	536.700.500	-	-	536.700.500
- Quyền sử dụng đất (*)	6.491.764.767	-	-	6.491.764.767
- Máy tráng nem mới	927.295.018	-	927.295.018	-
- Các thiết bị khác	576.033.307	-	-	576.033.307
Xây dựng cơ bản dở dang	1.622.196.016	11.884.880.077	9.471.405.912	4.035.670.181
- Công trình xử lý nước thải	692.196.016	228.999.092	921.195.108	-
- Nâng cấp kho lạnh BPT	930.000.000	-	930.000.000	-
- Máy tráng nem mới	-	2.305.935.834	2.305.935.834	-
- Máy tráng hủ tiểu phở	-	2.670.973.960	2.670.973.960	-
- Máy tráng nem số 01	-	727.197.272	-	727.197.272
- Công trình Nhà máy Bích Chi 2	-	2.517.653.643	-	2.517.653.643
- Công trình VPĐD	-	2.643.301.010	2.643.301.010	-
- Gia công máy đùn bún gạo	-	594.163.820	-	594.163.820
- Công trình khác	-	196.655.446	-	196.655.446
Cộng	10.153.989.608	11.884.880.077	10.398.700.930	11.640.168.755

(*) Quyền sử dụng đất đất tại Khu dân cư trung tâm thương mại xã Tân Nhựt, Huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh. Công ty mới thanh toán 95% cho nhà cung cấp. Công ty đang làm các thủ tục cần thiết để quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu của Công ty.

11. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**11.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

Tình hình biến động:	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	14.699.417	-
- Tăng trong năm	1.150.594.724	18.763.000
- Phân bổ trong năm	(729.821.344)	(4.063.583)
Số cuối năm	435.472.797	14.699.417
Chi tiết số dư cuối năm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Bảo hiểm tài sản vật chất còn phân bổ	68.524.941	12.763.000
- Chi phí công cụ dụng cụ	366.947.856	1.936.417
Cộng	435.472.797	14.699.417

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHÍ

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp.Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

11.2 Chi phí trả trước dài hạn

<i>Tình hình biến động:</i>	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	1.178.025.069	809.165.373
- Tăng trong năm	1.711.158.491	953.059.092
- Phân bổ trong năm	(1.238.719.318)	(584.199.396)
Số cuối năm	1.650.464.242	1.178.025.069
<i>Chi tiết số dư cuối năm:</i>	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công cụ dụng cụ	1.650.464.242	1.178.025.069
Cộng	1.650.464.242	1.178.025.069

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả cho các bên liên quan</i>		-
<i>Phải trả cho các khách hàng khác</i>	14.396.882.055	15.139.120.162
- Công ty TNHH SX TM Tân Tiến-Phát Tài	2.845.830.859	2.243.074.124
- Mai Văn Dũng	-	2.020.656.000
- Công ty TNHH Ngân Khoa	1.336.500.000	623.700.000
- Các đối tượng khác	10.214.551.196	10.251.690.038
Cộng	14.396.882.055	15.139.120.162

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Người mua trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Người mua trả trước của các khách hàng khác</i>	3.326.714.459	3.009.829.085
- Công ty TNHH IFX (UK)	555.897.375	-
- Công ty TNHH MTV Viên Ly An	424.600.000	-
- P.D.JAYA ABADI	396.604.210	639.201.524
- Các đối tượng khác	1.949.612.874	2.370.627.561
Cộng	3.326.714.459	3.009.829.085

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT hàng nội địa	-	110.193.462	-	-	-	110.193.462
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	246.014.214	(246.014.214)	-	-
- Thuế nhập khẩu	-	-	379.087.890	(379.087.890)	-	-
- Thuế TNDN	2.602.306.498	-	9.804.807.433	(10.175.338.812)	2.231.775.119	-
- Thuế TNCN	168.582.036	-	2.154.007.685	(1.844.777.160)	477.812.561	-
- Thuế tài nguyên	-	-	20.542.960	(20.542.960)	-	-
- Thuế đất	-	-	2.282.953.424	(2.282.953.424)	-	-
- Phí, lệ phí, khoản phải nộp khác	-	-	205.823.873	(25.823.873)	-	-
Cộng	2.770.888.534	110.193.462	15.093.237.479	(14.974.538.333)	2.709.587.680	110.193.462

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp.Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Chi cục Hải quan.

Thuế đất

Công ty đóng thuế sử dụng đất hàng năm theo thông báo của cơ quan thuế địa phương.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	48.639.958.835	51.933.751.000
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	384.078.331	1.246.108.463
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	49.024.037.166	53.179.859.463
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.804.807.433	10.635.971.893
Thuế TNDN truy thu của các năm trước	-	-
Thuế TNDN phải nộp trong kỳ	<u>9.804.807.433</u>	<u>10.635.971.893</u>

15. Phải trả người lao động

Là khoản tiền lương tháng 12, thưởng cuối năm 2018 phải trả cho cán bộ công nhân viên.

16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả cho các bên liên quan	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	9.791.491.677	8.028.198.692
- Kinh phí công đoàn	854.357.537	842.219.477
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	8.937.134.140	7.185.979.215
Cộng	<u>9.791.491.677</u>	<u>8.028.198.692</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp. Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	50.545.530.315	50.545.530.315	49.623.641.990	49.623.641.990
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – PGD Sa Đéc ⁽¹⁾	50.174.030.315	50.174.030.315	24.304.487.990	24.304.487.990
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Tp.HCM ⁽²⁾	-	-	24.926.654.000	24.926.654.000
- Vay nhân viên công ty ⁽³⁾	371.500.000	371.500.000	392.500.000	392.500.000
Cộng	50.545.530.315	50.545.530.315	49.623.641.990	49.623.641.990

⁽¹⁾ Là khoản vay theo Hợp đồng cấp tín số 48/2018/NHNT.ĐT ngày 21/02/2018, hạn mức 100.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ, tài sản đảm bảo gồm nhà xưởng sản xuất và văn phòng làm việc và quyền sử dụng đất tại đường số 7A, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, Tp Hồ Chí Minh do UBND Tp Hồ Chí Minh cấp ngày 05/04/2004.

⁽²⁾ Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2017-HĐCVHM/NHCT908-BICHCHI ngày 22/08/2017. Hạn mức vay là 3.500.000,00 USD. Thời hạn duy trì khoản vay đến 15/07/2018. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ.

⁽³⁾ Là khoản vay cán bộ công nhân viên của công ty, mục đích bổ sung vốn lưu động, khoản tiền lãi này được trả một lần vào cuối năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
- Vay ngắn hạn ngân hàng	49.231.141.990	175.736.906.478	174.794.018.153	50.174.030.315
- Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	392.500.000	420.800.000	441.800.000	371.500.000
Cộng	49.623.641.990	176.157.706.478	175.235.818.153	50.545.530.315

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	2.955.817.713	1.011.250.000	28.250.000	3.938.817.713
Quỹ phúc lợi	1.282.202.265	1.050.000	113.150.000	1.170.102.265
Cộng	4.238.019.978	1.012.300.000	141.400.000	5.108.919.978

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHÌ

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp.Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế phân phối	Cộng
1. Số dư đầu năm trước	100.613.540.000	2.145.287.921	1.680.130.939	50.402.884.347	154.841.843.207
2. Tăng trong năm trước	30.183.690.000	20.184.194.347	-	41.297.779.107	91.665.663.454
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	30.183.690.000	-	-	-	30.183.690.000
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	20.184.194.347	-	-	20.184.194.347
- Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	-	-	-	41.297.779.107	41.297.779.107
3. Giảm trong năm trước	-	-	-	(70.522.468.847)	(70.522.468.847)
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(70.522.468.847)	(70.522.468.847)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	130.797.230.000	22.329.482.268	1.680.130.939	21.178.194.607	175.985.037.814
5. Tăng trong năm	40.546.640.000	-	-	38.802.932.993	79.349.572.993
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu ^(*)	19.619.580.000	-	-	-	19.619.580.000
- Tăng vốn từ Quỹ đầu tư phát triển	20.927.060.000	-	-	-	20.927.060.000
- Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	-	-	-	38.802.932.993	38.802.932.993
6. Giảm trong năm	-	(20.927.060.000)	-	(47.037.160.500)	(67.964.220.499)
-Tăng vốn từ Quỹ đầu tư phát triển	-	(20.927.060.000)	-	-	(20.927.060.000)
-Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	(19.619.580.000)	(19.619.580.000)
-Trích Quỹ phúc lợi	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
-Thù lao Ban kiểm soát	-	-	-	(216.000.000)	(216.000.000)
-Trích Quỹ công tác từ thiện	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
- Chia cổ tức	-	-	-	(25.701.580.500)	(25.701.580.500)
7. Số dư cuối năm	171.343.870.000	1.402.422.268	1.680.130.939	12.943.967.100	187.370.390.307

^(*) Vốn chủ sở hữu tăng trong năm là được tăng từ việc thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03-NQ/ĐHCD ngày 22/04/2018 và đã được cấp Giấy Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 16 ngày 30/05/2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHÌ

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp.Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Số cuối năm	Tỷ lệ (%)	Số đầu năm
- Phạm Thanh Bình	14	24.337.080.000	14	18.577.930.000
- Bùi Văn Sáu	10	17.148.100.000	10	13.090.160.000
- Nguyễn Hương Liên	10	16.663.200.000	0	-
- Trần Văn Nghị	7	12.024.050.000	7	9.178.670.000
- Trang Sĩ Đức	7	12.008.620.000	7	9.166.890.000
- Trần Thị Nhựt	6	10.132.090.000	6	7.734.420.000
- Vũ Văn Hải	6	10.218.000.000	6	7.800.000.000
- Các cổ đông khác	40	68.812.730.000	50	65.249.160.000
Cộng	100	171.343.870.000	100	130.797.230.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	171.343.870.000
Vốn điều lệ đã góp:	171.343.870.000
Vốn điều lệ còn phải góp:	-

19c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	130.797.230.000	100.613.540.000
+ Vốn góp tăng trong năm	40.546.640.000	30.183.690.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	171.343.870.000	130.797.230.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi	(17.778.746.674)	(13.079.723.000)

19d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	17.134.387	13.079.723
- Cổ phiếu phổ thông	17.134.387	13.079.723
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.134.387	13.079.723
- Cổ phiếu phổ thông	17.134.387	13.079.723
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000/CP	10.000/CP

19e. Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu dùng để bổ sung vốn điều lệ, xử lý các khoản nợ khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHÌ

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp.Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

19f. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối Kết quả kinh doanh của các năm trước theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 03-NQ/ĐHĐCĐ ngày 22/04/2018 như sau:

- Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	:	1.000.000.000
- Chia cổ tức (bằng cổ phiếu, đợt 3/2017) cho các cổ đông bằng cổ phiếu	:	19.619.580.000
Cộng		20.619.580.000

Ngoài ra, Công ty đã tạm phân phối Kết quả kinh doanh của năm 2018 như sau:

- Cổ tức	:	25.701.580.500
- Trích công tác từ thiện		500.000.000
- Thù lao, thưởng Ban kiểm soát	:	216.000.000
Cộng		26.417.580.500

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**a. Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	276.008,22	572.675,10

b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Ngoại tệ (USD)</u>	<u>Số tiền</u>	<u>Ngoại tệ (USD)</u>	<u>Số tiền</u>
- Royal Foods – Paris	33.032	706.224.160	33.032	-
- S & B Herba Foods Limited-UK	30.213	645.953.940	30.213	645.953.940
- Good Life Handels GMBH-Germany	30.132	644.222.160	30.132	644.222.160
- Trans Actions Sarl - Senegal	27.000	577.260.000	27.000	577.260.000
- Kim Sun Trading Co., Ltd-UK	24.600	394.362.600	24.600	394.362.600
- Link Korea Co., Ltd-Korea	11.382,41	243.355.926	11.382,41	243.355.926
- All in One Solution Limited-Canada	15.927,60	241.304.038	15.927,60	241.304.038
- Saigon Sairopa Deutschland GMBH	6.120	130.845.600	6.120	130.845.600
- Các khách hàng nước ngoài khác	18.277,69	292.325.476	18.277,69	292.325.476
- Các khách hàng nội địa khác	-	274.958.820	-	274.958.820
Cộng	196.684,70	4.150.812.720	196.684,70	4.150.812.720

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp.Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐƠN VỊ TÍNH: VND)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán thành phẩm	497.990.564.343	464.663.222.014
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.480.890.545	1.437.599.415
Cộng	499.471.454.888	466.100.821.429

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại	7.768.194.983	7.130.029.990
- Hàng bán bị trả lại	2.112.392.677	4.875.589.133
Cộng	9.880.587.660	12.005.619.123

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của thành phẩm	383.047.507.913	347.676.665.081
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	253.876.822	206.676.456
Cộng	383.301.384.735	347.883.341.537

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng	1.473.926.814	1.774.037.203
- Lãi chênh lệch tỷ giá	1.633.438.724	815.073.605
Cộng	3.107.365.538	2.589.110.808

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	1.568.767.493	1.324.757.035
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.491.190.865	462.621.492
Cộng	3.059.958.358	1.787.378.527

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí cho nhân viên	1.932.251.785	1.888.356.773
- Chi phí khấu hao	475.040.924	532.136.095
- Chi phí mua ngoài	28.235.920.708	27.538.614.904
- Chi phí khác	4.575.292.674	4.008.365.007
Cộng	35.218.506.091	33.967.472.779

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp.Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí cho nhân viên	10.904.179.647	10.572.168.363
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.350.782.625	4.228.713.182
- Chi phí khác	7.910.436.584	5.670.554.033
Cộng	23.165.398.856	20.471.435.578

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Xử lý tài sản thừa trong năm	870.176.224	667.941.304
- Thu nhập khác	720.399.468	3.534.482.237
Cộng	1.590.575.692	4.202.423.541

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Xử lý tài sản thiếu do kiểm kê trong năm	674.870.491	739.675.422
- Chi phí khác	260.949.501	4.103.681.812
Cộng	935.819.992	4.843.357.234

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**10.a Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	38.802.932.993	41.297.779.107
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích Quỹ khen thưởng Phúc lợi (*)	-	(1.000.000.000)
- Trích thù lao HĐQT, BKS	(216.000.000)	(200.000.000)
- Trích quỹ từ thiện	(500.000.000)	(300.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	38.086.932.993	39.797.779.107
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	17.134.387	13.079.723
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	2.223	3.043

(*)Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2017 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 22 tháng 04 năm 2018.

10.b Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trong năm nay trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm trước theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 ngày 22 tháng 04 năm 2018 làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 3.119 VND xuống 3.043 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính tổng hợp này

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHÌ

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp.Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**11.a Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	38.802.932.993	41.297.779.107
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích Quỹ khen thưởng Phúc lợi	-	(1.000.000.000)
- Trích thù lao HĐQT, BKS	(216.000.000)	(200.000.000)
- Trích quỹ từ thiện	(500.000.000)	(300.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	38.086.932.993	39.797.779.107
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	17.134.387	17.134.387
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/CP)	2.223	2.323

11.b Thông tin khác

Lãi suy giảm trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trong năm nay trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm trước theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 ngày 22 tháng 04 năm 2018 làm cho lãi suy giảm trên cổ phiếu năm trước giảm từ 3.119 VND xuống 2.323 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính tổng hợp này.

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	309.076.261.508	266.749.963.898
- Chi phí nhân công	61.825.020.433	57.702.638.693
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.158.137.996	19.521.930.431
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.718.696.205	40.765.408.967
- Chi phí khác	14.553.422.057	10.608.856.543
Cộng	447.331.538.199	395.348.798.532

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp. Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (ĐƠN VỊ TÍNH: VND)**1. Tài sản tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

2. Nợ tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản nợ tiềm tàng.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thưởng, thù lao	7.772.167.895	4.209.164.923
Cổ tức nhận trong năm	8.080.866.000	5.808.296.000
Cộng	15.853.033.895	10.017.460.923

4. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Hoạt động bán thành phẩm (bánh phồng tôm, bột đậu, mì, hủ tiếu);
- Cho thuê cửa hàng, nhà trọ;
- Hoạt động khác.

Doanh thu của Công ty phát sinh trong năm chủ yếu từ hoạt động bán thành phẩm (bánh phồng tôm, bột đậu, mì, hủ tiếu).

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	189.387.355.089	300.193.512.139	489.590.867.228
Giá vốn hàng bán	165.192.668.746	218.108.715.989	383.301.384.735
Lợi nhuận gộp	24.194.686.343	82.084.796.150	106.289.482.493

Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	175.311.476.138	278.783.726.168	454.095.202.306
Giá vốn hàng bán	135.447.104.495	212.436.237.042	347.883.341.537
Lợi nhuận gộp	39.864.371.643	66.347.489.126	106.211.860.769

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp.Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

5. Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp toàn bộ nhà xưởng và văn phòng làm việc, máy móc thiết bị và dây chuyền công nghệ đang có với giá trị còn lại của tài sản dùng thế chấp là: 74.124.248.735 đồng (xem thuyết minh V.8).

6. Khả năng hoạt động và kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

7. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc năm tài chính 31 tháng 12 năm 2018.

Đồng Tháp, ngày 21 tháng 3 năm 2019.

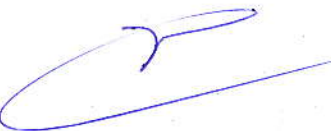
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Lý Ngọc Hành



TRẦN VĂN THIỆU



PHẠM THANH BÌNH